


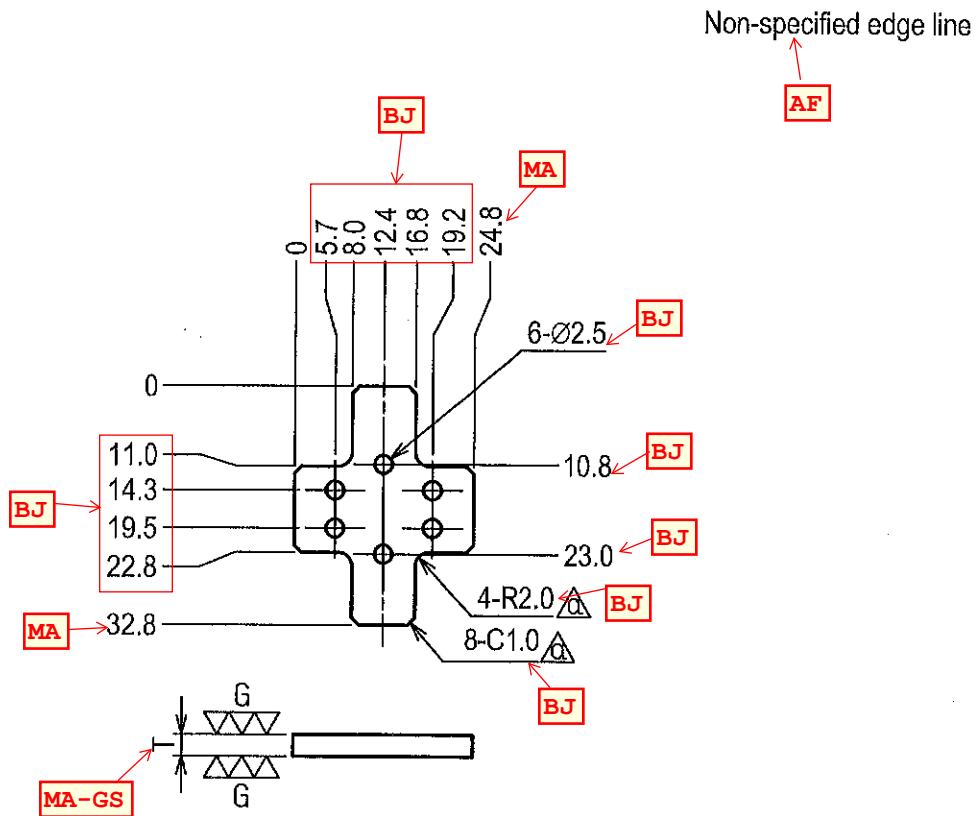




REV.	DATE	DESCRIPTION	<div>XUẤT BẢN VẼ</div> <div>BẢN VẼ DÙNG</div> <div>CHÊ TẮC - NGHIỆM THU</div> <div>HỦY SAU KHI HOÀN TẤT</div> <div>DO NOT COPY</div> <div>2023.11.10</div> <div>P.QLKTSX VDM</div>	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/10/16	新规设计		0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
	2023/07/18	寸法追加		0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005
				0.00	±0.01	0.00 +0	+0
				0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01
				0.	±0.2	0.0 +0	+0
						0.0 -0	+0.1
							-0
				TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
				FINISH MARKS			
				<div>G</div> <div>▽ (▽▽)</div>			



S CHUẨN

T	quantity	SNo	Use for
3.000	1	R181801	for dies set
4.0	1	R183524	for adjustment

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Li_Xin_Xin	Cai_Wei_Feng	部品図		スペーサー
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		SPACER
HRC 58°~60°		部品図		垫片
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SKS3	2018/10/16	1:1		R183524

SNO: **R183524**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKS3</b> <b>T4*30*38</b>	AA:15 MA:20 BJ:30 HT:40 GS:20 AF:10